TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05/10/2018
V/v Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Xuân Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Hùng Định và ông Đỗ Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 về việc "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn Thị Mai S** - sinh năm 1990; Hộ khẩu thường trú: khu phố N, thị trấn T, huyện A, tỉnh Phú Yên, có mặt.

* *Bị đơn:* Anh **Phạm Thế H** - sinh năm 1992; Hộ khẩu thường trú: khu phố N, thị trấn T, huyện A, tỉnh Phú Yên; Chỗ ở hiện nay: thôn T, xã Đ, huyện A, tỉnh Phú Yên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai S trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Thế H tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 24/7/2015 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện A, tỉnh Phú Yên. Thời gian mới kết hôn, chị S và anh H sống chung với nhau tại nhà cha mẹ của anh H. Sau khi sống chung được 3 ngày thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, do hai người em của anh H chửi mắng và đòi đánh chị vì yêu cầu chị S phải trả hai chỉ vàng tiền mua xe cho anh H (Số tiền nợ của anh H có trước khi chị và anh H kết hôn). Anh H cũng

hùa theo chửi chị S. Sau đó, chị và anh H đã về nhà cha mẹ ruột chị ở khu phố N, thị trấn T sống. Sống được một thời gian, thì gia đình mẹ chồng chị đến chửi mắng chị và gọi anh H về nhà. Ngày 17/8/2015, 02 người em chồng của chị S đánh chị tại Hội chợ ở thị trấn T, huyện A. chị S bỏ chạy. Mẹ chị S đỡ cho chị nên bị em chồng chị S là chị H, chị Y đánh bị thương. Lúc đó chị S đang có thai hai tháng. Cũng từ tháng 8/2015, anh H đã tự bỏ đi về nhà cha mẹ ruột của anh H sinh sống.

Nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ về sống chung, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo, hòa giải nhưng không thành. Vì vậy, chị S yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân giữa chị S và anh H có 01 con chung là Phạm Ngọc A – sinh ngày 14/4/2016. Con chung đang sống cùng chị S. Ly hôn, chị S yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Theo tài liệu có tại hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tuy An đã tiến hành hòa giải, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là anh Phạm Thế H nhưng anh H không đến Toà án, không thực hiện nghĩa vụ của đương sự và cố tình vắng mặt. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Tại phiên tòa, chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký và những người tham gia tố tụng cơ bản tuân theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai S. Về hôn nhân: chị S được ly hôn với anh H. Về con chung: Giao cháu A cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết. Về án phí: chị S phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Mai S khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Thế H. Các đương sự đều có hộ khẩu tại huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên thụ lý vụ án tranh chấp ly hôn và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Phạm Thế H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn bị đơn. Các đương sự có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Giữa chị S và anh H xảy ra mâu thuẫn chị S có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: chị S và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện A cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 24/7/2015. Đây là hôn nhân hợp pháp, chị S đề nghị Tòa án cho ly hôn vì cho rằng trong quá trình sống chung, giữa chị và anh H xảy ra mâu thuẫn, do anh H không thương yêu vợ con, nghe theo lời của mẹ và các em chồng xúc phạm danh dự, gây thương tổn cho chị S và gia đình chị. Hiện nay giữa chị và anh H đã ly thân, không còn tình cảm. Mỗi người có cuộc sống riêng, không hàn gắn được. Như vậy chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân, chị S và anh H có 01 con chung tên Phạm Ngọc A – sinh ngày 14/4/2016. Hiện nay, cháu A đang ở cùng chị S. Tại phiên tòa chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án giao con cho chị tiếp tục chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi. Mặt khác, anh H không quan tâm, chăm sóc cho mẹ con chị từ khi chị S có thai đến khi sinh con. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị S về phần con chung. Giao cháu A cho chị S tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh H không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 35, Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

* Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chị Nguyễn Thị Mai S được ly hôn với anh Phạm Thế H.

* Về con chung: Giao cháu Phạm Ngọc A cho chị Nguyễn Thị Mai S tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh H không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị Mai S phải chịu **300.000đ** *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng trước tại biên lai thu tiền ký hiệu AA/2015/0007342 ngày 06/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên. Chị S đã nộp đủ.

* Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Xuân Hương

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh (1);
- VKSND h. A (2);
- THADS h. A (1);
- Nguyên đơn, Bị đơn (2);
- UBND thị trấn T (1);
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)